***- Tuần*** *………*

*-* ***Ngày soạn****: ………………………*

***- PPCT****: Tiết ……………………*

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

**BÀI 11: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,**

**DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

# I. MỤC TIÊU

## 1. Về kiến thức

## - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.

## - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.

## - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu

## 2. Về năng lực

#### \* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: thông qua việc thu thập thông tin và trình bày về các đặc điểm vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của Đông Nam Á.

- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động nhận xét, đánh giá các đặc điểm về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Đông Nam Á đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển kt-xh của Đông Nam Á; đề xuất được giải pháp giải quyết.

#### \* Năng lực đặc thù:

## - Nhận thức khoa học Địa lí: Phân tích được các yếu tố của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

## - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học (bản đồ tự nhiên, bản đồ phân bố dân

## cư, tranh ảnh, bảng số liệu...), khai thác internet phục vụ môn học.

## - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư khu vực Đông Nam Á.

## 3. Về phẩm chất

# - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

# - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, thái độ tôn trọng những giá trị văn hoá khác nhau của khu vực Đông Nam Á.

# - Hình thành tình yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.

# - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tự nhiên, bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á.

- Video, tranh ảnh về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á.

- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.

- Đường link các trang web để HS tìm dữ liệu:

+ https://data worldbank.org/ <https://data.worldbank.org/L>

+ <https://www.adb.org/where-we-work/main>

+ <https://www.gso.gov.vn/>

+ <https://cacnuoc.vn> ..

## 2. Học sinh

- SGK, giấy note

- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.

- Số liệu mới về dân số Đông Nam Á.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Hoạt động 1: Mở đầu (3-5 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về tự nhiên, dân cư khu vực Đông Nam Á ở cấp học dưới với bài học.

Cartoon brain with eyes closed and hands up and light bulb above

Description automatically generated- Tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi, tò mò của HS.

**2. Nội dung**

- Liệt kê 3 điều hiểu biết của bản thân về khu vực Đông Nam Á.

**3**. **Sản phẩm**

Học sinh tích cực thể hiện sự hiểu biết của bản thân về Đông Nam Á.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS làm việc toàn lớp, yêu cầu HS chia sẻ 3 điều hiểu biết của bản thân về khu vực Đông Nam Á.

- GV có thể gợi ý HS các điều có thể là: các quốc gia Đông Nam Á lục địa hoặc Đông Nam Á hải đảo, những cảnh đẹp, những nét đẹp về văn hoá – xã hội, các thành phố lớn, tập tục xã hội độc đáo...

- GV sử dụng kĩ thuật “Chúng em biết 3” khi tiến hành hoạt động này và khuyến khích HS đưa ra ý kiến cá nhân, mọi ý kiến đều được chấp nhận, không đánh giá bất kì ý kiến nào, có thể có ý kiến đúng, chưa đúng, HS sẽ tìm được câu trả lời đúng sau khi học bài mới. Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS note trên giấy nháp các ý chính cho phần trả lời (1 phút)

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...để gọi HS bất kỳ trình bày quan điểm của mình về vấn đề nêu trên (khoảng 3-5 em).

- Các em còn lại có thể bổ sung những điều thú vị khác (GV lưu ý thời gian để điều phối hợp lí)

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV kết luận và dẫn dắt vào bài mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

***Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí***

**1. Mục tiêu**

- Phân tích được ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định được vị trí của khu vực và kể tên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

**2. Nội dung**

Đọc thông tin mục I và hình 11.1, kết hợp hiểu biết của bản thân, hãy:

- Nêu đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

- Xác định các quốc gia, khu vực, các biển và đại dương tiếp giáp khu vực Đông Nam Á.

- Phân tích những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến phát

triển kinh tế – xã hội của khu vực.

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS làm việc theo cặp, viết ra các câu khái quát về đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc thông tin mục I SGK/Tr118 và quan sát hình 26.1 (2 phút)

- Trả lời câu hỏi vào giấy nháp (2 phút)

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV cho bắt thăm/chỉ định một số cặp HS chia sẻ ý kiến và mời một số HS nhận xét ý kiến của nhóm bạn trước lớp.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

|  |
| --- |
| **I. PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ**  **- Phạm vi lãnh thổ:** Khu vực Đông Nam Á bao gồm 11 quốc gia, có diện tích khoảng 4,5 triệu km2, bao gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.  **- Vi trí dia lí:**  + Nằm ở phía đông nam của châu Á, phần đất trong khoảng vĩ độ từ 28°B đến 100N; phía bắc giáp khu vực Đông Á, phía tây giáp khu vực Nam Á và vịnh Ben-gan, phía đông giáp Thái Bình Dương, phía nam giáp Ô-xtrây-li-a và Ấn Độ Dương.  + Là cầu nối giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a, nơi giao thoa giữa các luồng sinh vật và các vành đai sinh khoảng.  **- Ảnh hưởng**:  + Tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế nhưng cũng là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các thiên tại như bão, động đất, núi lửa, sóng thần,...  + Có nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua, đặc biệt có eo biển Ma-lắc-ca là một trong những đầu mối hàng hải lớn, góp phần vận chuyển hàng hoá từ châu Âu, châu Phi, Nam Á, Tây Nam Á đến Đông Á và ngược lại.  + Có vị trí địa – chính trị quan trọng, là nơi giao thoa của các nền văn hoá lớn khiến khu vực có nền văn hoá đa dạng và đặc sắc, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến vấn để bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng trong khu vực. |

***Hoạt động 2.1.*** ***Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (15 phút)***

**1. Mục tiêu:**

- HS trình bày được đặc điểm nổi bật của iều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Đông Nam Á.

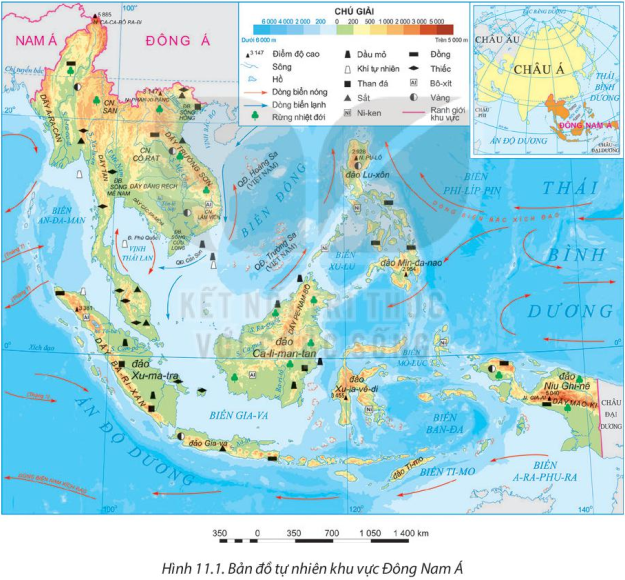
- Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

- Đọc được bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á và rút ra nhận xét về điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

**2. Nội dung:**

*Đọc thông tin Mục II và quan sát hình 11.1, hoàn thành PHT sau:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐKTN&TNTN** | **ĐẶC ĐIỂM** | **ẢNH HƯỞNG** |
| **1. Địa hình, đất** |  |  |
| **2. Khí hậu** |  |  |
| **3. Sông, hồ** |  |  |
| **4. Sinh vật** |  |  |
| **5. Khoáng sản** |  |  |
| **6. Biển** |  |  |

**3. Sản phẩm:**

PHT của các nhóm

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

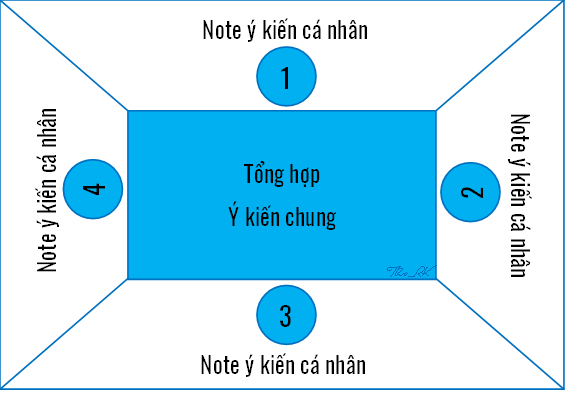
- GV chia lớp thành 8 nhóm và phát PHT

- HS ổn định vị trí nhóm theo sơ đồ và thảo luận nhóm bằng kỹ thuật “khăn trải bàn”

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc thông tin mục II SGK/Tr 47 và quan sát hình 11.1, note ý kiến cá nhân (3 phút)

- Thảo luận nhóm và thống nhất điền thông tin vào PHT.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Sử dụng kĩ thuật phòng tranh để trình bày sản phẩm.

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.

- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Điểm** | | | | | | | | |
| **Chuẩn** | **N1** | **N2** | **N3** | **N4** | **N5** | **N6** | **N7** | **N8** |
| Hoàn thành các tiêu đề PHT | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hình thức đẹp, rõ ràng | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành đúng thời gian | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | 10 |  |  |  |  |  |  |  |  |

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐKTN&TNTN** | **ĐẶC ĐIỂM** | **ẢNH HƯỞNG** |
| **1. Địa hình, đất** | - Khu vực Đông Nam Á lục địa: Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam hoặc bắc – nam. Ngoài ra, còn có các đồng bằng châu thổ do sông lớn bồi đắp và mở rộng về phía biển. Đất chủ yếu là đất feralit ở miền đồi núi và đất phù sa ở các đồng bằng.  - Khu vực Đông Nam Á hải đảo: - Địa hình chủ yếu là núi trẻ với nhiều núi lửa; các đồng bằng phần lớn nhỏ hẹp nằm ven biển, một số đồng bằng lớn có ở các đảo Ca-li-man-tan, Xu-ma-tra, Niu Ghi-nê..... | - Địa hình bị chia cắt, gây khó khăn cho giao lưu kinh tế; đồng bằng với đất phù sa màu mỡ thuận lợi phát triển nền nông với cơ cấu cây. trong đa dạng.  - Đất khá màu mỡ, thuận lợi cho trồng các cây công nghiệp. |
| **2. Khí hậu** | – Đại bộ phận nằm trong các đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới, có nhiệt độ cao (trung bình từ 21°C đến 27°C), độ ẩm lớn (trên 80%), lượng mưa nhiều (trung bình từ 1.000 mm đến 2.000 mm).  – Đông Nam Á lục địa chủ yếu có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Đông Nam Á hải đảo có khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu xích đạo và cận xích đạo. Ngoài ra, khí hậu có sự phân hóa theo đai cao. | - Thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, du lịch và cư trú.  - Chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, áp thấp  nhiệt đới, lũ lụt... Biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng đang trực tiếp ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, đặc biệt ở các khu vực ven biển. |
| **3. Sông, hồ** | - Đông Nam Á lục địa có mạng lưới sông ngòi dày đặc với nhiều sông lớn như: sông Mê Công, sông I-ra-oa-đi, sông Hồng, sông Mê Nam...Chế độ nước sông theo mùa. Các sông ở Đông Nam Á hải đảo thường ngắn và có nhiều nước.  - Đông Nam Á có nhiều hồ tự nhiên, trong đó hồ Tông-lê Sáp (Campuchia) là hổ nước ngọt lớn nhất khu vực,ngoài ra còn có hồ In-lê (Mi-an-ma), hồ Tô-ban-đô-nê-xi-a). | – Các sông có vai trò cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và là địa bàn đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản; một số sông thuận lợi cho giao thông đường thuỷ phát triển, tiềm năng lớn về thuỷ điện....  - Các hồ có vai trò điều tiết dòng chảy, là nơi trữ nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất, mặt nước cho hoạt động khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, nhiều hồ có cảnh quan đẹp thuận lợi để phát triển du lịch.... |
| **4. Sinh vật** | - Đông Nam Á là khu vực có tài nguyên sinh vật và mức độ đa dạng sinh học phong phú bậc nhất thế giới. Diện tích rừng nhiệt đới của Đông Nam Á khoảng 2 triệu km2 với hai hệ sinh. thái chính là rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý, trữ lượng lớn như đang lim, nghiến, táu; các loại dược liệu.... | - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến và xuất  khẩu gỗ. Tuy nhiên, tài nguyên sinh vật trong khu vực bị khai thác quá mức trở thành vấn đề cấp bách tại nhiều quốc gia. |
| **5. Khoáng sản** | Tài nguyên khoáng sản của khu vực đa dạng, nhiều loại có trữ lượng lớn như thiếc (đứng đầu thế giới), than đá, sắt, bô-xít, dầu mỏ, khí tự nhiên,... | Cung cấp nguyên, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp: nhiệt điện, luyện kim, hoá dấu... và tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cho nhiều nước. |
| **6. Biển** | Đông Nam Á có vùng biển rộng lớn thuộc Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương; vùng biển giàu hải sản, khoáng sản, có nhiều bãi biển đẹp, nhiều vịnh biển. | Tạo thuận lợi cho hầu hết  các quốc gia trong khu; vực phát triển các ngành kinh tế biển. |

***Hoạt động 2.3 Tìm hiểu dân cư và xã hội (15 phút)***

**1. Mục tiêu:**

- Nêu được một số đặc điểm nổi bật của dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

- Đọc được bảng số liệu quy mô, cơ cấu và tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2000 – 2020, bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á năm 2020. **2. Nội dung:**

Đọc thông tin mục 1 và dựa vào hình 11.4, 11.5; bảng 11.1, hãy:

+ Cho biết đặc điểm của dân cư khu vực Đông Nam Á (quy mô và gia tăng, cơ cấu dân số, dân tộc, phân bố dân cư, đô thị hoá).

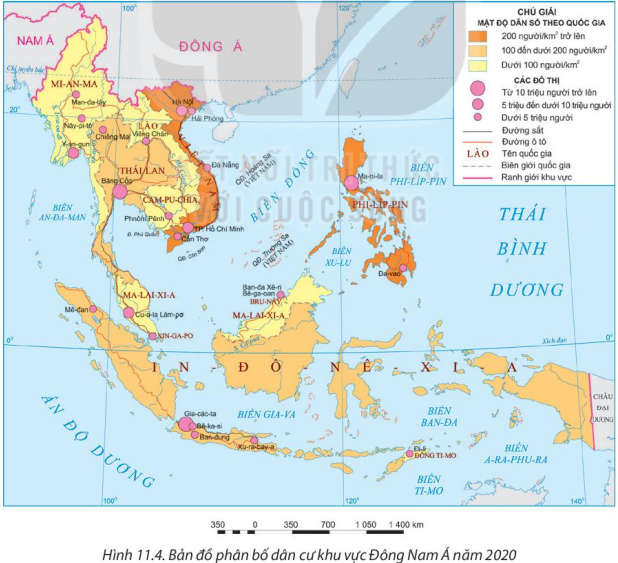
+ Phân tích tác động của các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực.

**3. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu giữ vị trí các nhóm ở hoạt động 2.2, đọc thông tin, mục III và dựa vào hình 11.4, 11.5; bảng 11.1, 11.2 thảo luận bằng kỹ thuật “động não viết”

- Các nhóm có thể thực hiện các cuộc nói chuyện bằng giấy bút cả khi làm bài trong nhóm. Sản phẩm có thể có dạng một bản đồ trí tuệ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV đặt trên bàn mỗi nhóm 1-2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên;

- Mỗi một thành viên viết những ý nghĩ của mình trên các tờ giấy đó;

- Có thể tham khảo các ý kiến khác đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển ý nghĩ;

- Sau khi thu thập xong ý tưởng thì đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.

- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Điểm** | | | | | | | | |
| **Chuẩn** | **N1** | **N2** | **N3** | **N4** | **N5** | **N6** | **N7** | **N8** |
| Hoàn thành 3 câu hỏi | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Huy động được tất cả các thành viên tham gia (nhận dạng chữ viết) | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành đúng thời gian | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | 10 |  |  |  |  |  |  |  |  |

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo

*+ Có những quốc gia là cường quốc về dân số và cũng có những quốc gia có quy mô dân số khiêm tốn; có những quốc gia có cơ cấu dân số trẻ, có quốc gia đang ở giai đoạn cơ cấu dân số vàng và có những quốc gia đã đang bước vào giai đoạn già hoá dân số,... và khẳng định: Ngày nay, Đông Nam Á là một trong những thị trường lớn nhất và có lực lượng lao động lớn thứ ba trên thế giới. Tuy nhiên, do xu hướng giảm tỉ suất sinh và tăng chất lượng cuộc sống nên già hoá dân số đang trở thành một vấn đề mà nhiều quốc gia trong khu vực đang và sẽ phải đối mặt, điển hình là Xin-ga-po, kế đến là Thái Lan và Việt Nam.*

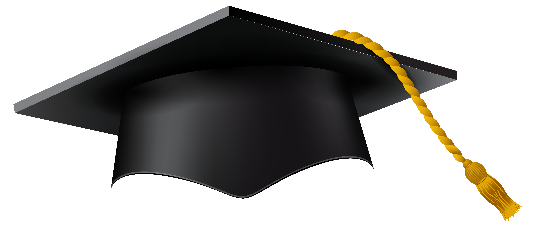
*+ GV mở rộng thêm kiến thức trong quá trình dạy: Phật giáo phổ biến ở Đông Nam Á lục địa, Hồi giáo phổ biến ở Đông Nam Á biển đảo (In-đô-nê-xi-a là quốc gia có dân số theo đạo Hồi đông nhất thế giới), Thiên chúa giáo có ở hầu hết các quốc gia, đặc biệt là Phi-líp-pin*

|  |
| --- |
| **III - Dân cư và xã hội**  ***1. Dân cư***  - Qui mô: có số dân đông, chiếm 8,6% số dân thế giới (năm 2020).  - Tỉ lệ tăng tự nhiên: có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao → tạo nên thị trường tiêu thụ lớn, thu hút các nhà đầu tư, thúc đẩy kinh tế phát triển nhưng cũng là sức ép đối với nhiều nước trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và giải quyết việc làm.  - Cơ cấu giới tính: tương đối cân bằng; cơ cấu dân số trẻ, một số quốc gia đang trong quá trình già hoá dân số → nguồn lao động dồi dào, nhưng đặt ra các vấn đề về an sinh xã hội và chăm sóc y tế,...  - Dân tộc: có nhiều nhóm khác nhau → sự phong phú trong văn hoá, tập quán sản xuất.  - Phân bố dân cư: đông đúc, mật độ dân số trung bình là khoảng 149 người/km2 (năm 2020) nhưng không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa các quốc gia → chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế.  - Tỉ lệ dân thành thị: chưa cao (năm 2020 là 49,9%), có sự phân hoá giữa các quốc gia → đô thị là nơi thu hút dân cư và lao động, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, một số đô thị không cung cấp đủ việc làm, nơi ở, các dịch vụ cơ bản, hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng bị quá tải.  ***2. Xã hội***  - Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hoá của người dân các nước Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng → thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển.  - Đông Nam Á có sự xuất hiện của hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới như: Thiên chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo,... → nền văn hoá độc đáo nhưng cũng tiềm ẩn những khó khăn do sự khác biệt về tôn giáo.  - Mức sống của người dân các nước trong khu vực và giữa các bộ phận dân cư trong một nước vẫn còn chênh lệch nhiều Xin-ga-po, Bru-nây là những nước có mức sống cao nhất trong khu vực.  - Tình hình chính trị, xã hội tương đối ổn định là điều kiện thuận lợi để giao lưu hợp tác và phát triển kinh tế – xã hội. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**1. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức lí thuyết của bài.



- Rèn luyện kĩ năng nhận xét bảng số liệu

**2. Nội dung:**

Tổ chức cuộc thi **“Đại sứ Đông Nam Á”.**

**3. Sản phẩm:**

HS tham gia cuộc thi **“Đại sứ Đông Nam Á”.**

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV triển khai luật chơi: Có ... câu hỏi thử thách cho các ứng viên làm **“Đại sứ Đông Nam Á”.** Ai trả lời đúng nhiều nhất và nhanh nhất người đó sẽ được trao tặng danh hiệu **“Đại sứ Đông Nam Á”.**

- Thời gian suy nghĩ trả lời cho mỗi câu hỏi không quá 30 giây.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu/đọc lần lượt các câu hỏi trước lớp. Sau hiệu lệnh “Hết” HS được quyền giơ tay trả lời. Trả lời đúng ghi điểm, trả lời sai mất lượt câu kế tiếp.

- HS tiến hành chơi

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV chiếu/công bố kết quả

- GV yêu cầu thêm: Hãy nhận xét/ kết nối các thông tin từ các câu trả lời thành một đoạn văn ngắn, trình bày về tự nhiên, dân cư và xã hội của Đông Nam Á.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV tổng kết và chuyển qua hoạt động tiếp theo.

A cartoon of a child writing on a book

Description automatically generated**Hoạt động 4: Vận dụng/mở rộng**

**1. Mục tiêu:**

Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của khu vực Đông Nam Á, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.

**2. Nội dung:**

Viết báo cáo ngắn về điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của một nước ở khu vực Đông Nam Á mà em quan tâm.

**3. Sản phẩm:**

Bài báo cáo trên 1 mặt giấy tập. Hoặc có thể đánh máy khổ A4 (Không quá 2 trang), font Times New Roman, size 14, canh lề 4 phía 2cm.

**4. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.

- HS sưu tầm thông tin về điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của một nước ở khu vực Đông Nam Á mà em quan tâm (tham khảo phụ lục 2)

**PHỤ LỤC**

## Bộ câu hỏi phần luyện tập

**Câu 1**. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

**A**. phía đông nam châu Á.

**B**. giáp với Đại Tây Dương.

**C**. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.

**D**. phía bắc nước Nhật Bản.

**Câu 2.** Toàn bộ lãnh thổ của khu nước Đông Nam Á nằm hoàn toàn trong

**A**. khu vực xích đạo.

**B**. vùng nội chí tuyến,

**C**. khu vực gió mùa.

**D**. phạm vị bán cầu Bắc.

**Câu 3.** Khu nước Đông Nam Á không nằm ở vị trí cầu nối giữa

**A**. lục địa Á - Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.

**B**. Ô-xtrây-li-a với các nước Đông Á.

**C**.Thái Bình Đương và Ấn Độ Dương.

**D**. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 4**. Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm các bộ phận

**A**. lục địa và biển đảo.

**B**. đảo và quần đảo.

**C**. đát liền và biển.

**D**. biển và các đảo.

**Câu 5.** Tự nhiên của Đông Nam Á lục địa có

**A**. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.

**B**. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C**. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.

**D**. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 6.** Tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo có

**A**. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B**. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

**C**. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

**D**. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

**Câu 7**. Đông Nam Á biển đảo khác với Đông Nam Á lục địa ở đặc điểm

**A**. có khí hậu xích đạo.

**B**. có các dãy núi.

**C**. có các đồng bằng.

**D**. có đảo, quần đảo.

**Câu 8.** Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu

**A**. nhiệt đới gió mùa.

**B**. cận xích đạo gió mùa.

**C**. á nhiệt đới gió mùa.

**D**. xích đạo gió mùa.

**Câu 9.** Đông Nam Á biển đảo chủ yếu có khí hậu

**A**. nhiệt đới gió mùa, xích đạo và cận xích đạo.

**B**. nhiệt đới lục địa, cận xích đạo và hải dương.

**C**. cận xích đạo gió mùa, cận nhiệt và ôn đới.

**D**. ôn đới hải dương, cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới.

**Câu 10.** Nông nghiệp ở Đông Nam Á phát triển **không** phải do điều kiện

**A**. khí hậu nóng ẩm.

**B**. đất trồng đa dạng.

**C**. sông ngòi dày đặc.

**D**. địa hình nhiều núi.

**Câu 11**. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á có nguy cơ bị thu hẹp là

**A**. khai thác không hợp lí và cháy rừng.

**B**. cháy rừng và phát triển nhiều thủy điện.

**C**. mở rộng đất trồng đồi núi và cháy rừng.

**D**. kết quả của việc trồng rừng còn hạn chế.

**Câu 12.** Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

**A**. các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa.

**B**. trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.

**C**. dung nham núi lửa từ nơi cao xuống.

**D**. xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

**Câu 13.** Biểu hiện rõ rệt của biến đổi khí hậu ở một số đồng bằng châu thổ thấp tại Đông Nam Á là

**A**. xâm nhập mặn ngày càng sâu vào đồng bằng.

**B**. nguồn nước ngọt từ sông ngòi ngảy càng ít đi.

**C**. mực nước ngầm hạ thấp, bề mặt đất bị sụt lún.

**D**. nguồn nước ngọt bị ô nhiễm ở nhiều khu dân cư.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

**A**. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm.

**B**. Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng

**C**. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng.

**D**. Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

**Câu 15**. Một trong những yếu tố gây khó khăn chủ yếu về quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở một số nước Đông Nam Á là

**A**. một số dân tộc ít người phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.

**B**. có nhiều tôn giáo khác nhau trong nước cùng tồn tại lâu đời với nhau.

**C**. có nhiều giá trị văn hoá khác nhau cùng tồn tại và phát triển cùng nhau.

**D**. phong tục, tập quán, sinh hoạt của người dân có nhiều nét tương đồng.

## 2. Thông tin tham khảo

Nằm trên bán đảo Đông Dương, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào có đường biên giới giáp 5 nước và không giáp biển; phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây bắc giáp Mi-an-ma, phía tây nam giáp Thái Lan, phía nam giáp Campuchia và phía đông giáp Việt Nam. Với diện tích khoảng 237 nghìn km, đất nước Lào chủ yếu là đồi núi, còn lại là bình nguyên và cao nguyên. Sông Mê Kông chảy dọc biên giới phía tây Lào, dãy Trường Sơn chạy dọc biên giới phía đông. Lào có nguồn tài nguyên dồi dào và phong phú về làm nghiệp, nông nghiệp, khoáng sản như gỗ, thạch cao, thiếc, khí tự nhiên... và có hệ thống sông ngòi giàu nguồn lợi thuỷ sản, phù sa và trữ năng thuỷ điện. Lào có khí hậu lục địa, chia làm hai mùa, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến 10 hằng năm.

Số dân Lào đạt hơn 7,4 triệu người (năm 2021), với tỉ lệ tăng dân số trung bình là 2%. Tuổi thọ trung bình hiện nay của người dân Lào là 61 tuổi. Lào có 50 dân tộc, bao gồm các bộ tộc chính là Lào Lùm, Lào Thơng và Lào Sủng. Ngôn ngữ được sử dụng chính thức là tiếng Lào, ngoài ra tiếng Anh và Pháp cũng được sử dụng phổ biến.

Nền văn hoá Lào được hình thành từ lâu đời, không ngừng phát triển theo thời gian và rất phong phú, đa dạng. Tuy có những nét chung của văn hoá Đông Nam Á, song văn hoá Lào có rất nhiều nét riêng, đó là bản sắc văn hoá của các dân tộc Lào. Lào là xứ sở của lễ hội. Lào là nước có tỉ lệ chùa so với dân số cao nhất thế giới, với 1 400 ngôi chùa. Chùa chiến, đền tháp là nơi gắn bó người dân Lào, cũng là nơi gắn kết các bộ tộc Lào. Lễ hội gắn với chùa chiền, là nơi để mọi người gặp gỡ, vui chơi và múa hát, góp phần tạo nên bản sắc văn hoá Lào. Chùa chiến với những mái ngói uốn cong nhiều dáng vẻ cũng thể hiện sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và thẩm mĩ của người Lào. Hoa chăm pa, hay còn gọi là hoa đại là loài hoa biểu tượng của đất nước và con người Lào. Người dân Lào thường trồng hoa chăm pa để tô điểm cho vẻ đẹp thanh bình êm ả của đất nước và sống động hơn trong không khí lễ hội.